TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST Ngày: 08-10-2019. "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Châu Nữ Thu Hân.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 08/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Thái Hạnh P, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số nhà 116, đường Phùng Khắc Khoan, tổ 54, khóm Mỹ Thuận, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Đỗ Hữu T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Đường N, Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ liên lạc: Đường P, tổ N, khóm M, phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị P và anh T có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện , quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Thái Hạnh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Hạnh P và anh Đỗ Hữu T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/10/2007.

Thời gian sống chung, vợ chồng không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không sống chung từ năm 2017 đến nay. Thời gian xa nhau, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Nay chị Thái Hạnh P yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008, hiện con chung đang sống với Chị P. Khi ly hôn, Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp, anh T được nuôi con thì Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đỗ Hữu T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của Chị P về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị P.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008, hiện con chung đang sống với Chị P. Sau khi ly hôn, anh T không đồng ý cho Chị P tiếp tục nuôi con chung, anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp, Chị P được nuôi con thì anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Chị P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi

con, cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Đỗ Hữu T có địa chỉ tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của Chị P và anh T được xác lập vào năm 2007, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/10/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng Chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, Chị P và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, Chị P và anh T thuận tình ly hôn.

[3] Xét con chung: Chị P và anh T có 01 con chung tên Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008, hiện con chung đang sống với Chị P. Tại phiên tòa, Chị P và anh T đều có yêu cầu được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bé Phương A cho rằng anh T thường xuyên đi uống rượu, bia vắng nhà nên bé sống với mẹ sẽ tốt hơn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, cũng như trong học tập.

Hội đồng xét xử xét thấy bé Phương A sống với Chị P đã ổn định và anh T cũng thừa nhận cháu có cuộc sống ổn định, bé Phương A là nữ, đang trong giai đoạn phát triển hoàn thiện về tâm, sinh lý nên sống với mẹ sẽ tạo điều kiện cho bé phát triển tốt hơn và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bé Phương A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị P, Chị P được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh T là có lợi và tạo điều kiện tốt cho bé Phương A trong cuộc sống cũng như trong học tập, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, Chị P và anh T đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Thái Hạnh P và anh Đỗ Hữu T

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Thái Hạnh P, chị Thái Hạnh P được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008, hiện con chung đang sống với Chị P.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Hữu T, anh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Đỗ Thái Phương A, sinh ngày 21/5/2008, cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung và nợ chung : Chị Thái Hạnh P và anh Đỗ Hữu T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ.

Án phí: Chị Thái Hạnh P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00051214 ngày 28/8/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy Chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Chị Thái Hạnh P và anh Đỗ Hữu T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực thi hành ngày 18/11/2019.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND phường H, thành phố C (Số 64, ngày 09/10/2007, Quyển số 01/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh